

Bản tin thị trường

31.10.2022

Nhận định, tin doanh nghiệp, data talks

Tin Trọng Điểm

Nhận định thị trường
Cổ phiếu quan tâm
Danh mục đầu tư

Tin Doanh Nghiệp

DGW, NVL

Data Talks

Cổ phiếu tăng trưởng
Lịch chia cổ tức



Thị trường có nhiều dấu hiệu dòng tiền trở lại

Phiên giao dịch đầu tuần đóng cửa gần như không thay đổi so với cuối tuần trước nhưng lại mở ra nhiều hy vọng và lạc quan trước khi qua tháng giao dịch mới. Đầu phiên thị trường còn bị roi sâu đến 20 điểm nhưng sau đó dòng tiền bắt đáy tham gia khá mạnh mẽ và dần kéo lại chỉ số. Nhóm chứng khoán nổi bật nhất ở các mã lớn như HCM, VCI, VIX, MBS, SSI đều tăng trên 3%, riêng HCM còn tăng trần.

Cổ phiếu ngân hàng không quá nổi bật nhưng được giữ trụ bởi nhóm ngân hàng quốc doanh VCB, BID, CTG. SHB, LPB cũng tăng khá tốt trong khi các ngân hàng tầm trung giữ quanh tham chiếu như TCB, MBB, VPB, OCB.

Một số cổ phiếu bất động sản nổi sóng trở lại như CEO, DXG, HDG. Nhìn chung cổ phiếu bất động sản dù giảm đã khá sâu nhưng khả năng đảo chiều có thể chỉ trong ngắn hạn và chưa có động lực tăng trưởng trở lại.

Việc đảo chiều từ giảm sâu chuyển sang xanh nhẹ cuối ngày là điểm tích cực với thị trường hôm nay. Thị trường đã có nhiều dấu hiệu tạo đáy trung hạn và nhà đầu tư đã có thể mạnh dạn mua dần tích lũy ở các nhịp điều chỉnh và tăng cường lướt sóng ngắn hạn. Mức độ giải ngân có thể nâng dần từ 40%-60% tổng tài sản.

Tin Doanh Nghiệp

Novaland: Quý III/2022 lãi 736 tỷ đồng



Kết thúc quý III/2022, Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (mã chứng khoán NVL) ghi nhận doanh thu thuần 3.279 tỷ đồng, đi ngang so với cùng kỳ, lãi gộp 1.410 tỷ đồng, giảm 6%. Lãi sau thuế 736 tỷ đồng, giảm 18%.

Lũy kế 9 tháng, NVL ghi nhận 7.908 tỷ đồng doanh thu hợp nhất và hơn 2.054 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế hợp nhất.

Tổng doanh thu hợp nhất bao gồm doanh thu từ bán hàng và thu phí cung cấp dịch vụ. Trong đó, doanh thu từ bán hàng đạt hơn 6.445 tỷ đồng, được ghi nhận từ việc bàn giao tại các dự án như NovaWorld Phan Thiet, Aqua City, NovaWorld Ho Tram, NovaHills Mui Ne, Soho Residence và Victoria Village; doanh thu từ cung cấp dịch vụ đạt hơn 1.463 tỷ đồng.

Tại ngày 30/09/2022, tổng tài sản hơn 259.590 tỷ đồng, tăng 28,6% so với cuối năm 2021. Số dư tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản tiền gửi nắm giữ đến ngày đáo hạn tại các ngân hàng đạt gần 21.168 tỷ đồng và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hơn 998,6 tỷ đồng.

Đối với hoạt động huy động vốn, tính đến hết quý III/2022, Novaland cho biết đã nhận giải ngân tổng cộng gần 27.446 tỷ đồng. Các khoản giải ngân được sử dụng cho các hoạt động M&A – được ghi nhận tại khoản mục Các khoản phải thu ngắn hạn khác và Các khoản phải thu dài hạn khác trên bảng cân đối kế toán, và đầu tư phát triển dự án.

Trong cơ cấu nguồn vốn, nợ vay 71,742 tỷ đồng, tăng 18%, tích cực là khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn tăng tốt 79%, đạt 14.864 tỷ đồng. NVL cũng có khoản phải trả khác 98.884 tỷ đồng – chủ yếu là tiền nhận từ đối tác để đầu tư phát triển dự án.

Digiworld thu về gần 2.500 tỷ đồng trong quý III từ bán laptop và tablet

Theo báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2022, CTCP Thế giới số (Digiworld - Mã: DGW) ghi nhận doanh thu thuần tăng 59% so với cùng kỳ năm ngoái đạt 6.065 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế tăng 68% đạt 180 tỷ đồng.

Doanh thu mảng máy tính xách tay và máy tính bảng (tablet) vẫn tăng trưởng 33% so với cùng kỳ lên 2.457 tỷ và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của Digiworld. Quý III là quý cao điểm của thị trường laptop, tuy nhiên trong năm nay nhu cầu không nhiều như trước.

Tuy vậy các mảng hàng khác lại ghi nhận tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ. Doanh thu mảng điện thoại di động tăng trưởng 74%, đạt 2.399 tỷ đồng nhờ nhu cầu tiêu dùng tăng trở lại cùng với sự gia tăng thị phần của Xiaomi và sự đóng góp doanh thu từ dòng Iphone.

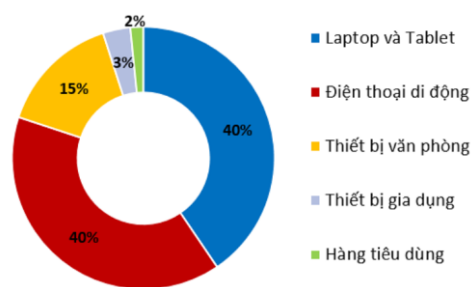
Doanh thu mảng thiết bị văn phòng tăng gấp đôi lên 908 tỷ đồng nhờ sự tăng trưởng của tất cả các sản phẩm như máy trạm, máy chủ, giải pháp an ninh,... Nhờ có thêm doanh thu từ thương hiệu mới Whirlpool và Tivi Xiaomi, mảng thiết bị gia dụng của DGW ghi nhận doanh thu 205 tỷ đồng, tăng 659%.

Trong khi đó, doanh thu hàng tiêu dùng giảm 22% về 96 tỷ do nhu cầu tiêu dùng giảm.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu của DGW đạt 17.984 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 528 tỷ, lần lượt tăng 38% và tăng 60% so với cùng kỳ, thực hiện 68% kế hoạch doanh thu và 66% mục tiêu lợi nhuận sau thuế năm.

Tổng tài sản của Digiworld tính tới cuối tháng 9 đạt 6.609 tỷ đồng, không thay đổi nhiều so với đầu năm, tập trung nhiều nhất vào khoản phải thu là 2.259 tỷ đồng, hàng tồn kho 2.723 tỷ đồng.

Cơ cấu doanh thu của Digiworld quý III/2022





Phân tích kỹ thuật



Chỉ số Vnindex đang trong quá trình tạo 2 đáy và hình thành phân kỳ trên đường MACD cho dấu hiệu tạo đáy ngắn hạn. Thị trường nhiều cơ hội tăng trưởng trong tuần này và tiến về ngưỡng kháng cự cũ quanh 1050-1070. Nhà đầu tư có thể giải ngân dần ở các nhịp điều chỉnh với mức độ giải ngân từ 40% - 60%. Các nhóm cổ phiếu có thể ưu tiên nắm giữ: CTG, BID, MBB, ACB, STB, VCI, DGW, FRT, TLG.

Chúng tôi mở các vị thế mua mới và lưu ý một số cổ phiếu: BID, SHB, FPT, GEX, VND, FTS.

Ticker	Close	%	Hỗ trợ	Kháng Cự	Note	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
VCI	26.2	5.2	23	30	Mua quanh 25-25.5	10/31/2022	4.0%
FRT	81.8	(0.2)	72	90	Mua quanh 75-77	10/31/2022	4.9%
CTG	24.6	2.3	22	28	Mua quanh 22-24	10/31/2022	2.5%
MBB	17.7	0.3	15	22	Mua quanh 17	10/31/2022	2.3%
VIB	19.6	(0.5)	18	25	Mua quanh 19	10/31/2022	1.6%
DGW	61.0	(1.6)	58	45	Mua quanh 58-60	10/31/2022	3.4%



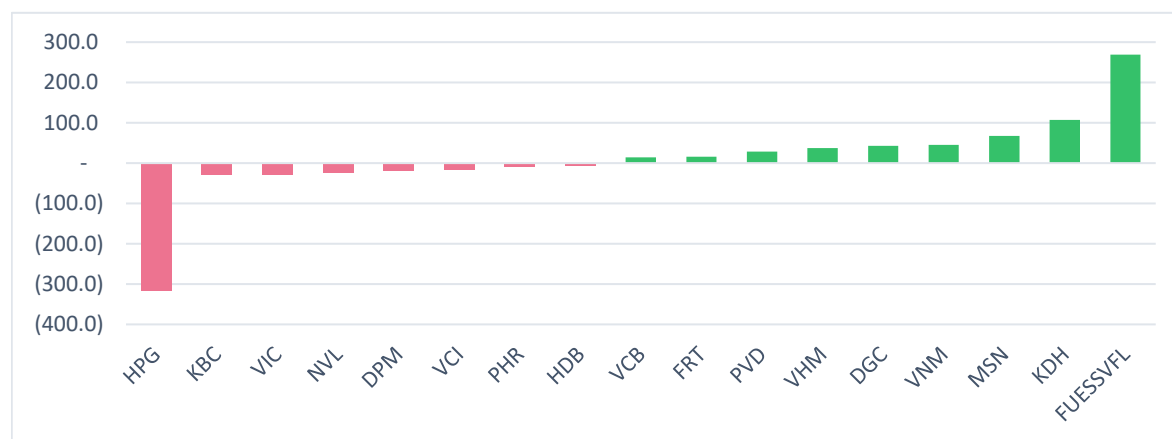
Tổng hợp kết quả kinh doanh 9T.2022

Mã CK	Sàn	Q3/2022	Lợi nhuận +/- Cùng kỳ(%)	Lũy kế 2022	EPS 4 quý	P/E Hiện tại
TCB	HOSE	5,297.97	22.1	16,603.1	6,036	3.5
VPB	HOSE	3,729.88	72.6	15,909.6	4,204	3.7
ACB	HOSE	3,586.99	70.6	10,817.7	4,562	4.3
TPB	HOSE	1,711.62	54.2	4,742.9	4,087	4.9
DGC	HOSE	1,413.95	195.6	4,533.5	24,938	2.9
SAB	HOSE	1,341.94	202.3	4,180.5	8,568	21.1
LPB	HOSE	986.89	61.3	3,842.4	3,456	2.7
PDR	HOSE	717.75	18.1	1,412.4	3,794	12.4
VHC	HOSE	450.21	76.2	1,782.1	12,264	5.3
SSI	HOSE	309.13	(54.7)	1,437.8	2,317	6.5
HSG	HOSE	265.00	(84.4)	1,137.4	4,211	2.8
DHG	HOSE	262.39	30.3	752.3	7,058	12.5
BAB	HNX	228.15	7.0	586.4	994	14.1
NT2	HOSE	198.98	(27.2)	724.1	2,936	8.8
HCM	HOSE	165.09	(48.2)	727.2	2,246	7.7
SCS	HOSE	160.85	32.9	501.3	11,778	6.0
PPC	HOSE	155.07	-	310.4	1,168	12.7
VOS	HOSE	154.12	(17.0)	469.8	3,939	2.8
SHP	HOSE	137.03	3.6	276.5	3,775	7.4
KHP	HOSE	133.79	(40.1)	-	257	32.3
VCI	HOSE	122.68	(62.7)	840.5	3,796	6.2
PHR	HOSE	121.59	(16.2)	467.1	5,195	7.8
MBS	HNX	121.19	(34.1)	441.8	2,290	5.3
ANV	HOSE	119.90	-	567.2	4,883	6.1
IJC	HOSE	119.50	44.5	484.4	2,538	4.8
TNG	HNX	106.17	24.6	231.4	3,221	4.8
CSV	HOSE	101.43	159.4	310.1	8,718	4.2
PGD	HOSE	100.93	19.1	258.9	3,667	7.4
TBC	HOSE	94.49	283.5	247.2	4,266	7.2
CHP	HOSE	94.29	82.6	317.5	3,683	6.6
VND	HOSE	93.48	(84.3)	1,309.8	2,688	4.6
DVP	HOSE	93.47	9.3	229.6	7,205	6.9
TCM	HOSE	91.97	-	219.8	3,278	12.9
SHS	HNX	88.25	(64.2)	-	1,763	3.9
VIX	HOSE	88.09	(40.3)	414.6	1,463	4.6
BTP	HOSE	86.56	374.7	-	2,876	5.1

NTP	HNX	83.83	7.9	410.3	4,400	8.0
EVF	HOSE	78.66	(12.0)	242.7	1,052	7.6
DRC	HOSE	77.09	128.6	226.8	2,645	8.7
FMC	HOSE	76.92	36.1	231.6	5,280	6.8
DPR	HOSE	76.04	10.7	180.5	11,396	4.7
VCF	HOSE	74.80	3.7	265.3	17,490	12.1
SJD	HOSE	73.92	-	145.1	2,772	5.8
HDC	HOSE	72.03	6.1	247.5	3,762	7.9
ORS	HOSE	70.57	137.7	-	986	8.7
PDN	HOSE	67.43	77.4	193.1	12,100	10.3
CDN	HNX	65.93	12.5	197.4	2,567	9.7
VNS	HOSE	59.85	-	128.5	594	32.1
VFG	HOSE	59.76	50.0	171.3	6,632	6.0
RAL	HOSE	59.13	40.2	276.9	27,066	2.8
HAX	HOSE	57.46	-	192.3	6,275	3.1
SLS	HNX	57.43	23.1	125.3	20,566	6.3
NCT	HOSE	56.42	(9.3)	170.1	8,618	10.2
IMP	HOSE	55.79	78.1	155.0	3,324	17.1
TDM	HOSE	54.41	110.1	146.5	2,831	11.2
SBA	HOSE	53.86	252.7	144.8	3,479	7.0
LIX	HOSE	52.99	162.9	166.7	7,084	6.1
TTA	HOSE	52.45	80.5	186.2	1,441	7.7
MIG	HOSE	50.75	55.9	135.6	1,423	9.5
STK	HOSE	50.13	(19.7)	195.8	3,974	7.6
DMC	HOSE	49.14	26.6	129.1	5,282	8.4
HVT	HNX	47.42	103.7	125.8	13,238	3.7
SMB	HOSE	44.94	124.4	154.0	7,202	5.7
TNH	HOSE	44.18	(26.4)	98.5	2,728	10.0
CLC	HOSE	41.07	10.3	96.7	5,188	6.7
SZL	HOSE	40.12	41.4	79.6	5,729	8.5
TIP	HOSE	39.91	503.4	56.8	2,358	7.4
BVS	HNX	38.09	16.1	102.3	2,761	5.3
PAC	HOSE	37.00	51.6	133.4	4,333	6.8
HT1	HOSE	36.39	-	197.1	656	14.8
PSD	HNX	32.18	(15.6)	97.3	4,999	3.8
FIR	HOSE	32.15	95.0	89.2	3,748	11.6
AGR	HOSE	30.26	32.6	102.0	857	8.4
CAP	HNX	28.55	256.7	66.2	15,736	5.4
S4A	HOSE	27.89	9.4	81.3	3,711	9.6
IDV	HNX	26.89	(44.0)	102.3	7,474	4.9
KPF	HOSE	26.36	293.8	56.2	1,336	7.0
TKU	HNX	25.26	95.6	77.0	2,416	5.0
KDC	HOSE	24.32	(78.7)	329.4	1,860	33.2
BCF	HNX	24.11	6,300.6	97.4	4,368	8.5
VDS	HOSE	24.04	(67.6)	-	(89)	(91.0)
SZC	HOSE	23.32	(65.0)	159.8	2,279	12.9
DHT	HNX	22.84	163.3	60.2	2,997	13.0
CSM	HOSE	22.77	-	49.9	816	18.4
SVI	HOSE	22.74	63.5	83.3	9,003	6.4
NST	HNX	21.41	225.7	-	933	7.3
PMC	HNX	20.37	570.8	60.4	9,045	6.9
SEB	HNX	20.17	831.7	126.0	5,691	7.9
VIT	HNX	20.10	118.2	-	868	22.8
CCL	HOSE	19.93	169.2	46.1	1,408	4.1



Top mua bán ròng khối ngoại trong ngày (tỷ VND)



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	22.4	5,995,200	5.2	1.5	-	-	4,306	15,416
BID	HOSE	34.6	2,040,300	12.0	1.9	692,000	618,500	2,883	18,580
CTG	HOSE	24.6	5,961,800	7.9	1.2	887,300	1,080,040	3,099	21,387
EIB	HOSE	37.0	400,100	22.3	2.4	31,800	9,900	1,659	15,513
HDB	HOSE	16.4	1,779,000	4.6	0.9	163,500	597,910	3,591	17,576
LPB	HOSE	11.8	6,317,800	3.5	0.9	17,500	2,060	3,398	13,136
MBB	HOSE	17.7	9,550,900	4.2	0.9	4,012,970	4,036,870	4,221	18,767
MSB	HOSE	12.4	3,089,500	4.2	0.8	-	20,800	2,960	16,090
OCB	HOSE	13.2	2,454,900	4.8	0.8	58,300	19,200	2,754	16,897
SHB	HOSE	11.5	14,782,600	3.7	0.8	155,800	212,370	3,062	14,879
SSB	HOSE	31.0	1,439,300	12.5	2.6	34,100	1,500	2,472	11,892
STB	HOSE	16.2	13,785,600	8.5	0.9	433,200	499,710	1,905	18,989
TCB	HOSE	24.6	4,810,300	4.3	0.8	-	-	5,766	29,757
TPB	HOSE	20.7	2,456,300	5.1	1.1	100	42,860	4,024	18,340
VCB	HOSE	73.5	904,300	12.3	2.8	240,600	51,000	5,956	25,988
VIB	HOSE	19.6	1,822,400	4.3	1.5	-	220	4,528	13,403
VPB	HOSE	16.4	12,627,600	3.8	0.7	90,900	-	4,346	22,163
BAB	HNX	14.1	7,700	14.1	1.1	-	-	1,002	12,383
NVB	HNX	14.8	45,500	-	1.9	-	-	(188)	7,686
VBB	UPCOM	8.9	18,400	7.7	0.7	-	-	1,163	12,626
VAB	UPCOM	7.9	136,700	4.6	0.6	-	-	1,701	12,691
SGB	UPCOM	14.0	36,500	-	1.1	-	-	502	12,530
PGB	UPCOM	19.0	12,000	17.8	1.3	-	-	1,065	14,590
NAB	UPCOM	8.8	267,000	-	-	-	-	3,247	17,329
KLB	UPCOM	22.2	5,500	21.5	1.7	-	-	1,031	13,236
BVB	UPCOM	9.3	619,400	13.0	0.7	-	-	715	13,432
ABB	UPCOM	8.4	2,119,300	3.1	0.6	-	-	2,719	13,255
			93,485,900	8.54	1.24	6,818,070	7,192,940	2,737	16,242



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	SZG	UPCoM	29/11/2022	30/11/2022	28/12/2022	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	NTC	UPCoM	29/11/2022	30/11/2022	26/12/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	FOX	UPCoM	29/11/2022	30/11/2022	30/12/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	SJG	UPCoM	24/11/2022	25/11/2022	26/12/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 280 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	RTB	UPCoM	17/11/2022	18/11/2022	2/12/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	E29	UPCoM	16/11/2022	17/11/2022	24/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	DNW	UPCoM	14/11/2022	15/11/2022	15/12/2022	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SFC	HOSE	14/11/2022	15/11/2022	5/12/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	NVL	HOSE	11/11/2022	14/11/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:24.75	Thưởng cổ phiếu
10	SZL	HOSE	10/11/2022	11/11/2022	30/11/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	TV4	HNX	9/11/2022	10/11/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
12	HAN	UPCoM	4/11/2022	7/11/2022	30/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 430 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	RCC	UPCoM	3/11/2022	4/11/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:1.0705	Thưởng cổ phiếu
14	RCC	UPCoM	3/11/2022	4/11/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:0.6469, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
15	BTD	UPCoM	3/11/2022	4/11/2022	24/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	PC1	HOSE	1/11/2022	2/11/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
17	CAV	HOSE	31/10/2022	1/11/2022	16/11/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	ANV	HOSE	31/10/2022	1/11/2022	1/12/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	VEA	UPCoM	28/10/2022	31/10/2022	30/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 4,493.7 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	PNJ	HOSE	28/10/2022	31/10/2022	22/11/2022	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	PCT	HNX	27/10/2022	28/10/2022		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	TLP	UPCoM	27/10/2022	28/10/2022	14/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 339 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	SAM	HOSE	27/10/2022	28/10/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:4	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
24	HTN	HOSE	27/10/2022	28/10/2022	25/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	BMP	HOSE	26/10/2022	27/10/2022	1/12/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 3,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	AVC	UPCoM	26/10/2022	27/10/2022	7/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	TMX	HNX	26/10/2022	27/10/2022	15/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	IDP	UPCoM	25/10/2022	26/10/2022	4/11/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931